

## GIẢI PHÁP NÂNG CAO SỐ LƯỢNG ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ/ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Lý Khánh Hòa

*Trường Đại học Lạc Hồng, số 10 Huỳnh Văn Nghệ, Trần Biên, Đồng Nai, Việt Nam*

\* Tác giả liên hệ: [khanhhoa@lhu.edu.vn](mailto:khanhhoa@lhu.edu.vn)

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận:	06/04/2025	Sáng chế và giải pháp hữu ích đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của các trường đại học, góp phần thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ, để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới. Tuy nhiên, tại Trường Đại học Lạc Hồng (ĐHLH) với số lượng đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích đã nộp vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng nghiên cứu khoa học và thế mạnh về kỹ thuật của nhà trường. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng hoạt động đăng ký đơn sáng chế/giải pháp hữu ích tại Trường ĐHLH, xác định nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động đăng ký đơn sáng chế/giải pháp hữu ích, đồng thời đề xuất các giải pháp khả thi để nâng cao số lượng đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích. Phương pháp nghiên cứu bao gồm phân tích tài liệu, khảo sát thực tế và tham khảo kinh nghiệm từ một số trường đại học tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đề xuất các giải pháp giúp tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế mà còn góp phần xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Trường ĐHLH, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.
Ngày hoàn thiện:	14/05/2025	
Ngày chấp nhận:	15/05/2025	
Ngày đăng:	31/03/2026	
TỪ KHÓA		
Đơn đăng ký;		
Nhận thức về sáng chế/Giải pháp hữu ích;		
Quyền sở hữu trí tuệ;		
Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong trường đại học.		

## SOLUTIONS TO ENHANCE THE NUMBER OF PATENT/ UTILITY SOLUTION APPLICATIONS AT LAC HONG UNIVERSITY

Ly Khanh Hoa

*Lac Hong University, No. 10 Huynh Van Nghe, Tran Bien, Dong Nai, Vietnam*

\*Corresponding Author: [khanhhoa@lhu.edu.vn](mailto:khanhhoa@lhu.edu.vn)

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	April 6, 2025	Patents and utility solutions play a crucial role in promoting innovation and enhancing the competitiveness of universities, contributing to the implementation of the Science, Technology, and Innovation Development Strategy until 2030, as well as the Intellectual Property Strategy until 2030 set by the Prime Minister, to achieve socio-economic development goals in the new era. However, at Lac Hong University (LHU), the number of patent/utility solution applications submitted remains limited and does not correspond to the university's potential for scientific research and technical strengths. This study aims to assess the current status of patent/utility solution application activities at LHU, identify factors affecting these activities, and propose feasible solutions to increase the number of applications. The research methodology includes document analysis, field surveys, and reference to experiences from universities in Vietnam. The study results not only propose solutions to increase the number of applications but also contribute to building an innovation ecosystem at LHU, aiming for sustainable development in the future.
Revised:	May 14, 2025	
Accepted:	May 15, 2025	
Published:	Mar 31 <sup>st</sup> , 2026	
KEYWORDS		
Application form;		
Patent/Utility solution awareness;		
Intellectual property rights;		
Manage intellectual property activities in universities.		

Doi: <https://doi.org/10.61591/jslhu.25.700>

Available online at: <https://lhj.vn>

## 1. GIỚI THIỆU

Các trường đại học đóng vai trò là đơn vị nghiên cứu tiên phong, dẫn dắt xu hướng phát triển của khoa học công nghệ và xã hội và góp phần thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 và Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới. Trong đó sáng chế là sản phẩm đặc thù của hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng sáng chế không chỉ thể hiện năng lực nghiên cứu của các trường đại học mà còn thể hiện năng lực khoa học công nghệ. Vì vậy, các trường đại học không thể giữ vị trí ngoài cuộc trong hoạt động sáng tạo và bảo vệ sáng chế trong sứ mệnh phát triển khoa học công nghệ và kinh tế quốc gia [1].

Có nhiều cách tiếp cận về định nghĩa “sáng chế” trong bài viết này tác giả xin dẫn chiếu một số khái niệm sau: Theo Đạo luật Sáng chế của Hoa Kỳ định nghĩa “sáng chế” là sáng chế hoặc khám phá (nguyên văn tiếng Anh: The term “invention” means invention or discovery); Theo Luật Sáng chế của Trung Quốc định nghĩa “sáng chế” là giải pháp kỹ thuật mới liên quan đến sản phẩm, quy trình hoặc cải tiến sản phẩm đó; Theo Đạo luật Sáng chế của Nhật Bản định nghĩa “sáng chế” là sự sáng tạo ra những ý tưởng kỹ thuật tiên tiến cao bằng cách áp dụng quy luật tự nhiên. [2]; Theo Điều 4.12 Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) Việt Nam định nghĩa “sáng chế” là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên; Theo Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) định nghĩa “sáng chế” là sản phẩm hoặc quy trình cung cấp cách mới để làm một việc gì đó hoặc đưa ra giải pháp kỹ thuật mới cho một vấn đề vượt trội hơn các giải pháp thông thường [3]. Qua các định nghĩa trên nhận thấy, định nghĩa theo quy định của pháp luật Nhật Bản, Việt Nam là rõ nghĩa, sáng chế phải là giải pháp kỹ thuật, áp dụng các quy luật tự nhiên. Từ đây có thể thấy sáng chế không thể là kết quả nghiên cứu cơ bản và cũng không thể là kết quả nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học nhân văn [2]. Sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế (BĐQSC) nếu đáp ứng các điều kiện sau: có tính mới; có trình độ sáng tạo; có khả năng áp dụng công nghiệp; Sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích (BĐQGPHI) nếu không phải là hiểu biết thông thường và đáp ứng các điều kiện sau: có tính mới; có khả năng áp dụng công nghiệp (Điều 58.2 Luật Sở hữu trí tuệ).

### 1.1 Thực trạng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích (GPHI)

Tác giả so sánh tổng số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI, tổng số lượng BĐQSC/BĐQGPHI được cấp cho 4 chủ thể, bao gồm: cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học. Để biết vị trí của “trường đại học” so với các chủ thể còn lại đối với sáng chế/GPHI. Tác giả sử dụng tài liệu của Cục SHTT (2024) [4], số liệu được sử dụng 5 năm liên tiếp 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.

**Bảng 1.** Tổng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế được nộp và BĐQSC được cấp

Loại chủ thể	Tổng đơn	Tổng bằng	Tỷ lệ bằng/đơn
Cá nhân	1384	312	22,54%
Doanh nghiệp	1814	307	16,92%
Viện nghiên cứu	547	146	26,69%
Trường đại học	779	141	18,10%

**Bảng 2.** Tổng đơn đăng ký GPHI được nộp và BĐQGPHI được cấp

Loại chủ thể	Tổng đơn	Tổng bằng	Tỷ lệ bằng/đơn
Cá nhân	634	296	46,68%
Doanh nghiệp	668	373	55,83%
Viện nghiên cứu	420	259	61,66%
Trường đại học	496	205	41,33%

Nhìn vào bảng 1 số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế được nộp thì trường đại học đứng thứ 3 trong số 4 chủ thể nộp đơn và số lượng BĐQSC được cấp thì trường đại học đứng vị trí cuối cùng (thứ 4) trong số 4 chủ thể nộp đơn. Nhìn vào bảng 2 số lượng đơn đăng ký bảo hộ GPHI được nộp thì trường đại học đứng thứ 3 trong số 4 chủ thể nộp đơn và số lượng BĐQGPHI được cấp thì trường đại học cũng đứng vị trí cuối cùng (thứ 4). Trường đại học là nơi quy tụ nhiều nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo trong kỷ nguyên mới, Việt Nam hiện có khoảng 9.000 giáo sư và phó giáo sư, 24.000 tiến sĩ và hơn 100.000 thạc sĩ [5] và có cơ sở vật chất để thực hiện việc nghiên cứu khoa học nhưng lại đứng vị trí cuối cùng so với các chủ thể khác trong hoạt động tạo ra sáng chế.

Sau đây là một số rào cản đối với hoạt động tạo ra sáng chế ở trường đại học mà tác giả đã tìm hiểu: Theo PGS.TS Nguyễn Đình Quân - Trưởng phòng Thí nghiệm Nhiên liệu sinh học và Biomass, Trường Đại học Bách khoa cho biết, nhiều giảng viên, nhà khoa học trong các trường đại học không mặn mà với việc đăng ký bảo hộ độc quyền sáng chế (dưới hình thức cấp BĐQSC hoặc BĐQGPHI) bởi nhiều nguyên nhân: Một là, các trường đại học chưa có cơ chế về tài chính, phân thưởng động viên, khuyến khích giảng viên, nhà khoa học đăng ký bằng sáng chế. Muốn có bằng sáng chế, giảng viên phải tự “boi”, từ khâu làm hồ sơ, đền lệ phí đăng ký và chờ đợi trong nhiều năm mới có kết quả; Hai là, có tâm lý “ngại” đăng ký sáng chế bởi những yêu cầu khắt khe trong điều kiện cấp bằng độc quyền sáng chế như tính mới, trình độ sáng tạo, có khả năng áp dụng công nghiệp...”; Còn theo ông PGS.TS Nguyễn Thanh Hải - Trưởng phòng Đào tạo không chính quy, Trường Bộ môn Điện tử công nghiệp - Y sinh, Khoa Điện - Điện tử (Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM) cho rằng “phần lớn trường đại học chưa thành lập được tổ chức có chức năng về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ để hỗ trợ, tư vấn cho các nhà khoa học” [6]. Bên cạnh đó theo Ông Trần Giang Khuê, Phó trưởng Văn phòng đại diện phía Nam, Cục Sở hữu trí tuệ bày tỏ “Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có quyết định liên quan về quản lý sở hữu trí tuệ trong các cơ sở giáo dục, đào tạo nhưng “điểm danh” lại, rất ít trường có

quy chế, quy trình, mẫu biểu, thủ tục, trình tự, bộ phận chuyên trách và đặc biệt là có lãnh đạo quan tâm việc này”[7]; Cuối cùng theo Nhóm nghiên cứu của Viện Nghiên cứu sáng chế và Khai thác công nghệ thực hiện năm 2018, cho rằng trong các nguyên nhân làm hạn chế số lượng đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích tại các viện nghiên cứu, trường đại học, có 5 nguyên nhân: Thứ nhất, đăng bài báo khoa học thuận lợi hơn đăng ký sáng chế; Thứ hai, các nhà khoa học gặp khó khăn khi viết bản mô tả sáng chế; Thứ ba, thương mại hóa sáng chế khó khăn, dẫn đến nhà khoa học thiếu động lực đăng ký sáng chế; Thứ tư, nhận thức về Sở hữu trí tuệ (SHTT) còn hạn chế; Thứ năm, quy định có 1 sản phẩm đầu ra là đơn đăng ký sáng chế đối với nhiệm vụ nghiên cứu các cấp là chưa rõ ràng.[8]

## 1.2 Giới thiệu Trường Đại học Lạc Hồng và hoạt động nghiên cứu khoa học tại Nhà trường

Trường ĐHLH nằm trong nhóm đầu của các trường ngoài công lập phát triển mạnh về khoa học và công nghệ, theo TS. Lâm Thành Hiền – Hiệu trưởng trường ĐHLH chia sẻ “hiện nay Trường đã có hơn 1000 bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, các hội nghị khoa học quốc gia, quốc tế nằm trong danh mục được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước chấm điểm do đội ngũ cán bộ, giảng viên của trường. Năng suất NCKH của ĐHLH nằm trong top 50 cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam có công bố quốc tế tốt nhất (năm 2019) [9]. Trường ĐHLH đang sở hữu 338 giảng viên, trong đó có 331 giảng viên có trình độ trên đại học và 7 giảng viên có trình độ đại học (số liệu được cung cấp bởi Phòng Hành chính của Trường ĐHLH).

Về hoạt động khoa học từ năm 2010 đến năm 2024, Nhà trường có 1458 bài báo trong đó có 837 bài đăng trong nước và 621 bài đăng quốc tế; Số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI đã nộp: 06 đơn (trong đó có 05 đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và 01 đơn đăng ký bảo hộ GPHI); Số lượng BĐQSC/BĐQGPHI được cấp: không có (số liệu do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Ứng dụng cung cấp). Với số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI hạn chế như hiện nay, cần xác định nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động đăng ký đơn sáng chế/GPHI, từ đó đề xuất các giải pháp khả thi để nâng cao số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI tại Trường ĐHLH.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập số liệu sơ cấp thông qua khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu Trường ĐHLH (gọi tắt là Thầy/Cô) về thực trạng, khó khăn và đề xuất giải pháp để thúc đẩy hoạt động đăng ký đơn sáng chế/GPHI trong Nhà trường. Để thực hiện nghiên cứu, tác giả đã thực hiện điều tra thông qua bản câu hỏi đối với 96 Thầy/Cô trong đó: Có 01 giáo sư, 03 phó Giáo sư, 09 tiến sĩ, 74 thạc sĩ, 12 cử nhân và có 91 Thầy/Cô đã từng tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học. Ngoài ra để minh họa cho các luận điểm nghiên cứu, tác giả còn phân tích các tài liệu liên quan đến hoạt động sáng chế, quản lý tài sản trí tuệ của Trường ĐHLH, các trường đại học khác và văn kiện, văn bản của Đảng và Nhà nước để phân tích và làm rõ các chính sách có liên quan đến quản lý tài sản trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1 Thực trạng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích tại Trường ĐHLH

Khoảng giữa năm 2022, Nhà trường bắt đầu quan tâm đến việc đăng ký và bảo hộ các kết quả nghiên cứu, sáng chế/GPHI và chính thức ban hành Quyết định số 794/QĐ-ĐHLH ngày 13/09/2022 về việc ban hành Quy định quản trị tài sản trí tuệ Trường ĐHLH (Quy định QTTSTT 2022). Tại Điều 14, 15 của Quy định QTTSTT 2022 giao Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Ứng dụng (TTNCKH&ÚD) thực hiện nhiệm vụ quản lý TSTT của Nhà Trường, Hoạt động quản trị TSTT được tổ chức theo quy định của TTNCKH&ÚD, đồng thời tại Điều 23.4 quy định TTNCKH&ÚD căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động quản trị TSTT hàng năm. Tuy nhiên, cho đến nay TTNCKH&ÚD chưa ban hành quy định, kế hoạch quản trị TSTT. Hơn nữa Quy định QTTSTT 2022 không quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của TTNCKH&ÚD trong hoạt động quản trị TSTT. Hiện nay hoạt động thúc đẩy sáng chế/GPHI của Nhà trường chưa có quy định hướng dẫn để thực hiện, điều này cũng là nguyên nhân hạn chế số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI của Nhà Trường.

Để tìm thêm nguyên nhân tác động tới việc hạn chế số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI, tác giả đã khảo sát 96 Thầy/Cô về hoạt động đơn đăng ký bảo hộ Sáng chế/GPHI, trong đó: 12 người đã từng tham gia việc đăng ký đơn (chiếm 12,5%), còn 84 người chưa từng tham gia việc đăng ký đơn (chiếm 87,5%).

Qua khảo sát về lý do 87,5% Thầy/Cô chưa tham gia hoạt động đơn đăng ký đơn bảo hộ sáng chế/GPHI, kết quả khảo sát cho thấy có các lý do sau: Thứ nhất, có 54 người (chiếm 57,4 %) trả lời: Chưa có ý tưởng khả thi; Thứ hai, có 38 người (chiếm 40,4%) trả lời: Do tâm lý ngại đăng ký sáng chế /GPHI bởi những yêu cầu khắt khe trong điều kiện cấp bằng độc quyền sáng chế/GPHI khó hơn là làm bài báo khoa học để hoàn thành nhiệm vụ NCKH; Thứ ba, có 29 người (chiếm 30,9 %) trả lời: Thiếu thông tin và hướng dẫn về quy trình đăng ký, không thể tự mình thực hiện thủ tục đăng ký; Thứ tư, có 29 người (chiếm 30,9 %) trả lời: Thiếu kinh phí nghiên cứu và triển khai; Thứ năm, có 17 người (chiếm 18,1%) trả lời: Chưa thấy rõ lợi ích của mình sau khi sáng chế/GPHI được cấp bằng độc quyền; Thứ sáu, có 10 người (chiếm 10,6%) trả lời: Do Nhà trường chưa có kế hoạch cụ thể giao nhiệm vụ đăng ký sáng chế/GPHI cho cá nhân, các đơn vị.

### 3.2 Nguyên nhân tác động tới việc hạn chế số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI tại Trường ĐHLH

Qua số liệu khảo sát trên và các nội dung được trình bày về những rào cản đối với hoạt động tạo ra sáng chế ở trường đại học tại Mục 1.1. Tác giả nhận thấy có 03 nguyên nhân hạn chế số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI tại Trường ĐHLH như sau:

#### 3.2.1 Mức độ hiểu biết về sáng chế/GPHI, thủ tục đăng ký và đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI của Thầy/Cô còn hạn chế.

Để có được đơn sáng chế/GPHI, Thầy/Cô hiểu rõ giải pháp kỹ thuật (được giải thích tại Điều 16.3.b Thông tư 23/2023/TT-BKHCN) của mình là dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình, nó có áp dụng quy luật tự nhiên không và

nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định nào?. Đồng thời Thầy/Cô cũng hiểu rõ giải pháp kỹ thuật của mình đáp ứng được điều kiện bảo hộ sáng chế/GPHI không?. Bên cạnh đó Thầy/Cô hiểu rõ vai trò quan trọng của BĐQSC/BĐQGPHI đối với xã hội, nhà trường và Thầy/Cô. Với sự hiểu biết đầy đủ về sáng chế/GPHI giúp Thầy/Cô tự tin tham gia hoạt động sáng chế/GPHI.

### 3.2.2. *Thầy/Cô có tâm lý ngại đăng ký sáng chế/GPHI bởi những yêu cầu khắt khe trong điều kiện cấp bằng độc quyền sáng chế/GPHI khó hơn là làm bài báo khoa học để hoàn thành nhiệm vụ NCKH.*

Hiện nay thủ tục đăng ký đơn bảo hộ sáng chế/ GPHI rất phức tạp, thời gian thẩm định đơn khá dài (thẩm định hình thức trong thời hạn một tháng, kê từ ngày nộp đơn, thẩm định nội dung không quá mười tám tháng, kê từ ngày công bố đơn nêu yêu cầu thẩm định nội dung được nộp trước ngày công bố đơn hoặc kê từ ngày nhận được yêu cầu thẩm định nội dung nếu yêu cầu đó được nộp sau ngày công bố đơn (theo Điều 119 Luật SHTT)). Để thực hiện được thủ tục này đòi hỏi người nộp đơn phải có chuyên môn về sáng chế, rà soát thủ tục soạn, sửa và đeo đuổi đơn. Theo quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ đối với cán bộ, giảng viên và nhân viên Trường ĐHLH (ban hành kèm theo Quyết định 858/QĐ-ĐHLH ngày 18/10/2018) thì người thực hiện nghiên cứu phải tự mình thực hiện công trình nghiên cứu của mình từ ban đầu đến kết thúc không có sự hỗ trợ nào khác.

### 3.2.3 *Thiếu kinh phí nghiên cứu và triển khai đơn đăng ký và thiếu chính sách khuyến khích phát triển đơn sáng chế/GPHI.*

Khoa học rất tốn kém, để nghiên cứu tạo ra một giải pháp kỹ thuật (ý tưởng) mới, sáng tạo và có khả năng áp dụng vào công nghệ đòi hỏi khá nhiều chi phí như: Chi phí thí nghiệm, chi phí trang thiết bị để nghiên cứu, chi phí trả cho nhân viên phòng thiết bị/nhân sự cộng tác và chi phí thuê dịch vụ thực hiện thủ tục nộp đơn khoản từ 15 triệu đến 30 triệu đồng/1 đơn [10]. Theo Điều 19.5 của Quyết định số 170/QĐ-ĐHLH ngày 17/04/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng, việc hỗ trợ kinh phí NCKH đối với công trình được chấp nhận đơn đăng ký BĐQSC có định mức tối đa là 60 triệu/1 công trình (đã bao gồm phí xét duyệt hồ sơ); đối với công trình được chấp nhận đơn đăng ký BĐQGPHI có định mức tối đa là 40 triệu/1 công trình, tác giả chưa có cơ sở chính xác mức kinh phí trên có đủ cho tất cả công trình đơn sáng chế/GPHI hay không. Để có được một đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI được chấp nhận và được cấp BĐQSC/BĐQGPHI, tác giả của sáng chế/GPHI phải bỏ ra rất nhiều công sức và thời gian. Do vậy cần có những chính sách vinh danh thỏa đáng đối với các tác giả, chủ sở hữu sáng chế cả về mặt vật chất cũng như tinh thần.

### 3.3 *Hoạt động thúc đẩy sáng chế/GPHI tại một số trường đại học*

Để có kinh nghiệm trong hoạt động thúc đẩy sáng chế/GPHI, tác giả chọn 3 trường đại học trong đó có 01 trường đại học có số lượng đơn đăng ký sáng chế/GPHI nhất/nhi trong khối trường đại học, 01 trường đại học công lập và 01 trường đại học ngoài công lập, để xem cách thức họ thúc đẩy để nâng cao TSTT như thế nào?

a) *Trường Đại học Quốc gia TP.HCM (ĐHQG-HCM):*

Từ năm 2008, số lượng đơn đăng ký SHTT của ĐHQG-HCM không ngừng tăng. Đặc biệt, giai đoạn 2010-2014 tốc độ đăng ký mới đạt mức cao nhất, trung bình tăng 130%/năm. Bắt đầu từ năm 2015 trở đi, ĐHQG-HCM tập trung vào các TSTT có khả năng thương mại hóa cao, ủy quyền cho các đơn vị thành viên, trực thuộc chủ động đăng ký bảo hộ TSTT, do đó về mặt thống kê số lượng đơn đăng ký mới mỗi năm có phần giảm. Tổng số đơn đăng ký bảo hộ SHTT tính đến tháng 6/2019 là 445 đơn. Trong đó, có 176 đơn đã được cấp bằng, đạt 39,5%; 176 đơn đang trong giai đoạn thẩm định nội dung và 93 đơn đang trong giai đoạn thẩm định hình thức. Trong tổng số đơn được cấp bằng, chiếm hơn 50% là các sáng chế, giải pháp hữu ích và các thiết kế bố trí mạch tích hợp. Đây là những đối tượng SHTT có tiềm năng khai thác thương mại cao [11].

Đề thúc đẩy hoạt động SHTT nói chung và sáng chế/GPHI nói riêng. Năm 2011, Nhà trường đã thành lập Trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ (gọi tắt là IPTC) để thực hiện các nhiệm vụ sau: *Một là*, Tư vấn, tham mưu cho Ban Giám đốc ĐHQG-HCM trong việc xây dựng cơ chế chính sách và quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ. *Hai là*, Triển khai các hoạt động xác lập quyền và đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ. *Ba là*, Thực thi ủy quyền của ĐHQG-HCM trong việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ và thương mại hóa – chuyển giao công nghệ đối với các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ do ĐHQG-HCM làm chủ sở hữu. *Bốn là*, Triển khai, phối hợp tổ chức các chương trình đào tạo về sở hữu trí tuệ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên. Ngoài ra, với vai trò là đơn vị đại diện sở hữu công nghiệp, Trung tâm Sở hữu trí tuệ và Chuyển giao Công nghệ ĐHQG-HCM – IPTC là đối tác quan trọng, thành viên “Mạng lưới các trung tâm hỗ trợ chuyển giao công nghệ của Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO)” và là một “IP-Hub” tại khu vực Phía Nam của Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam (IPVietnam) từ đó tạo sự kết nối giữa các nhà khoa học và doanh nghiệp, đồng thời hỗ trợ nhà khoa học trong các khâu thủ tục xin đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Bằng việc thành lập Trung tâm chuyên trách hoạt động trên cơ sở “quy chế quản trị tài sản trí tuệ” cùng nguồn kinh phí chuyên biệt hỗ trợ hoạt động bảo hộ sở hữu trí tuệ, ĐHQG TP.HCM đã thực hiện tốt vai trò “bà đỡ” của các hoạt động nghiên cứu, với 458 đối tượng tài sản trí tuệ đã thực hiện đăng ký bảo hộ bao gồm: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, bản quyền tác giả... [12].

b) *Trường Đại học Thủy lợi, Hà Nội:* Nhà trường luôn coi việc đăng ký và bảo hộ các kết quả nghiên cứu, sáng chế và giải pháp hữu ích là một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển. Trường đã triển khai nhiều chương trình hoạt động nhằm nâng cao nhận thức và năng lực trong việc bảo vệ tài sản trí tuệ, đồng thời khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia đăng ký sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, cũng như thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Trường cũng đã hợp tác với Cục Sở hữu trí tuệ để tổ chức các khóa tập huấn, nâng cao năng lực đăng ký sở hữu trí tuệ và thương mại hóa sản phẩm sáng chế, đặc biệt, dành một phần kinh phí thỏa đáng để khuyến khích doanh nghiệp hỗ trợ giảng viên, sinh viên trong việc đăng ký sáng chế và phát minh. Trong thời gian qua, Đại học Thủy lợi đã đạt được những kết quả đáng tự hào với 10 bằng độc quyền sáng chế, trong đó có nhiều sáng chế

đã được ứng dụng vào thực tiễn. Trường cũng đã nhận được 1 bằng sáng chế quốc tế, 6 bằng độc quyền giải pháp hữu ích và 1 văn bằng sở hữu công nghiệp [13].

c) Trường Đại học Nguyễn Tất Thành: Hoạt động đăng ký sở hữu trí tuệ các kết quả nghiên cứu của giảng viên – nghiên cứu viên là chủ trương của lãnh đạo nhà trường được khuyến khích và ủng hộ. Đề quản lý và khai thác có hiệu quả hoạt động sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu trí tuệ nói riêng, Nhà trường giao cho Phòng Khoa học Công nghệ phụ trách làm đầu mối hướng dẫn thủ tục và tiến hành đăng ký. Kinh phí đăng ký và tư vấn hỗ trợ làm hồ sơ đăng ký bằng sáng chế ở Cục Sở hữu trí tuệ được Trường hỗ trợ 100%. Tất cả sáng chế đăng ký là kết quả nghiên cứu của giảng viên – nghiên cứu viên trong trường, và các sáng chế này đều do Trường Đại học Nguyễn Tất Thành làm chủ đơn. Mỗi năm, Nhà trường đều tổ chức các khóa tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên – nghiên cứu viên, trong đó sở hữu trí tuệ là một nội dung trọng tâm. Qua các khóa tập huấn sẽ cung cấp các thông tin về quyền sở hữu trí tuệ trong trường đại học diễn ra ở hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và thương mại; trao đổi các giải pháp thúc đẩy năng lực sáng tạo và đăng ký quyền sở hữu trí tuệ trong các trường đại học Việt Nam nói chung và Trường Đại học Nguyễn Tất Thành nói riêng. Tập huấn, hướng dẫn, khuyến khích giảng viên, các nhà nghiên cứu đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm, ý tưởng của mình. Hiện nay, Nhà trường đã được cấp 1 bằng sáng chế độc quyền; còn lại 10 sáng chế đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn đăng ký; 3 sáng chế đang nộp đăng ký. Trong số các bằng sáng chế đã được chấp nhận đăng ký thì hầu hết là của Viện Kỹ thuật Công nghệ cao Trường Đại học Nguyễn Tất Thành – đây là đơn vị đi đầu trong công tác sở hữu trí tuệ và chuyên giao công nghệ của Trường. Một số bằng sáng chế sau khi được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn đăng ký đã nhanh chóng được ký kết chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp như: *Máy hút và lọc không khí tuần hoàn lưu trình nội ngoại thất và quy trình sản xuất sơn hệ nước Graphene này, Quy trình chế biến đồ uống tổ yến kết hợp đông trùng hạ thảo giúp tăng khả năng làm lành vết thương...*[14]

Sau khi xem xét 3 trường đại học nêu trên, tác giả nhận thấy hoạt động thúc đẩy sáng chế/GPHI của họ có các điểm chung là: Lãnh đạo nhà trường quan tâm đến việc đăng ký và bảo hộ các kết quả nghiên cứu, sáng chế và giải pháp hữu ích; thành lập văn phòng quản lý TSTT để hỗ trợ nhà khoa học thực hiện việc tạo ra sáng chế, thủ tục đăng ký, bảo hộ và thương mại hóa TSTT; có hoạt động nâng cao nhận thức SHTT cho nhà nghiên cứu (tập huấn, hội thảo,... về SHTT). Đồng thời có sự khác biệt giữa các trường như sau: Thời gian bắt đầu triển khai hoạt động SHTT, cách tổ chức quản trị TSTT của các trường khác nhau dẫn đến số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI nhiều hay ít.

#### 4. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO SỐ LƯỢNG ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ SÁNG CHẾ/GPHI TẠI TRƯỜNG ĐHLH

Từ những phân tích các nguyên nhân hạn chế số lượng đơn ở trên, kinh nghiệm hoạt động thúc đẩy sáng chế/GPHI tại một số trường đại học và kết hợp với việc Khảo sát ý kiến của Thầy/Cô về các yếu tố để nâng cao số

lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI tại nhà trường hiện nay, có kết quả như sau: i) Có 69 người (chiếm 71,9%) trả lời: Có sự hỗ trợ tài chính từ Nhà trường; ii) Có 54 người (chiếm 56,3%) trả lời: Thành lập tổ chức quản lý và khai thác TSTT của nhà trường (Đề thực hiện các công việc sau: Đánh giá các sáng chế, thực hiện tra cứu sơ bộ, quyết định có nộp đơn và thực hiện việc nộp đơn, triển khai thương mại hóa tài sản trí tuệ; iii) Có 54 người (chiếm 56,3%) trả lời: Cải thiện chính sách khuyến khích và khen thưởng; iv) Có 52 người (chiếm 54,2%) trả lời: Xây dựng môi trường nghiên cứu và hợp tác tốt hơn; v) Có 50 người (chiếm 52,1%) trả lời: Đào tạo về quy trình đăng ký và quyền sở hữu trí tuệ (Sáng chế/GPHI). Từ đó bài viết đề xuất một số giải pháp nâng cao số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI tại Trường ĐHLH như sau:

#### 4.1 Các giải pháp quản lý TSTT

*Thứ nhất*, Hiệu trưởng sớm chỉ đạo xây dựng chính sách SHTT. Dựa vào bộ tài liệu phục vụ xây dựng Chính sách Sở hữu trí tuệ trong các trường đại học, viện nghiên cứu do WIPO chủ trì thực hiện và Chiến lược phát triển của Nhà trường. Tổ chức xây dựng chính sách SHTT để xác định các nội dung bao gồm: quyền sở hữu, động lực, bảo mật và công bố, quản lý và thương mại hóa TSTT, ghi nhận và duy trì TSTT và xung đột lợi ích liên quan đến TSTT.

*Thứ hai*, thành lập bộ phận chuyên trách quản trị TSTT được tổ chức độc lập hoặc trực thuộc TTCKH & ÚD, giúp Hiệu trưởng thực hiện các nhiệm vụ sau: a) Xây dựng và tham mưu ban hành chiến lược phát triển tài sản trí tuệ, quy định quản trị TSTT và quy định về bảo mật; b) Xây dựng các quy trình, thủ tục biểu mẫu phục vụ hoạt động quản trị TSTT; c) Phát hiện và ghi nhận, ghi nhận, thực hiện thủ tục xác lập quyền đối với các TSTT; d) Quản lý danh mục, đánh giá và khai thác thương mại các TSTT; đ) Tham mưu cho Hiệu trưởng các thủ tục pháp lý liên quan đến bảo quyền SHTT; e) Thông kê, báo cáo hoạt động quản trị TSTT; g) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định quản trị TSTT của các đơn vị trực thuộc Trường, và pháp luật SHTT của nhà nước; h) Xây dựng văn hóa, phổ biến và cập nhật kiến thức về SHTT cho các tổ chức cá nhân trong Nhà trường; i) thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan do Hiệu trưởng giao. Người đứng đầu bộ phận này phải được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị TSTT và pháp luật chuyên sâu về SHTT.

*Thứ ba*, Thực hiện các công việc sau khi có quyết định thành lập bộ phận chuyên trách quản trị TSTT, bộ phận này thực hiện các công việc như sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển TSTT của Trường ĐHLH đến năm 2030 được thiết kế đáp ứng các yêu cầu TSTT ghi nhận trong Chiến lược phát triển tổng thể của Nhà trường, đồng thời đáp ứng các yêu cầu của Chiến lược Sở hữu trí tuệ Quốc gia. Thời gian thực hiện trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập bộ phận chuyên trách quản trị TSTT, thời gian phê duyệt chiến lược phát triển TSTT của cơ quan có thẩm quyền (trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị phê duyệt từ bộ phận chuyên trách quản trị TSTT);
- Soạn thảo, sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến hoạt động quản trị TSTT, bao gồm: Quy chế quản trị TSTT, quy định bảo mật, các quy trình, thủ tục

phục vụ cho hoạt động quản trị TSTT và các văn bản khác có liên quan. Thời gian thực hiện: Trong thời hạn 30 ngày làm việc từ ngày có quyết định thành lập bộ phận chuyên trách quản trị TSTT, thời gian phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng (trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị phê duyệt từ bộ phận chuyên trách quản trị TSTT);

- Thực hiện các công việc tiến hành quản trị TSTT: Tác giả đề xuất vận dụng Mô hình quản trị TSTT dựa trên thông tin sở hữu công nghiệp (SHCN) là mô hình quản trị tổng thể được thực hiện ở phạm vi toàn bộ tổ chức, doanh nghiệp và đối với tất cả các TSTT mà tổ chức, doanh nghiệp tạo ra và/hoặc sở hữu, với 3 chức năng cơ bản: (i) Ghi chép nhật ký sáng tạo TSTT, nhận dạng và kiểm kê TSTT; ii) Lập bản đồ, thẩm tra TSTT, trong đó xác định các đặc điểm/dữ liệu trạng thái của từng TSTT, bao gồm tình trạng pháp lý, tình trạng sử dụng, tình trạng tranh chấp, xâm phạm liên quan tới TSTT; (iii) Hỗ trợ tra cứu, phân tích, báo cáo, theo dõi các thời hạn cần đảm bảo liên quan tới mỗi TSTT. Mô hình này được vận hành với đầu vào là thông tin SHCN và đầu ra là các phân tích, đánh giá phục vụ việc quản trị các hoạt động sáng tạo TSTT, xác lập quyền SHTT, thương mại hóa và bảo vệ TSTT [15]. Để xây dựng hệ thống thông tin SHTT phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và quản trị TSTT, từ đó phát hiện và ghi nhận, thực hiện thủ tục xác lập quyền đối với các TSTT có đáp ứng điều kiện bảo hộ. Xây dựng và triển khai phần mềm quản trị TSTT.

#### 4.2 Các giải pháp đối ngoại

- Xây dựng mối liên kết giữa Nhà trường với các tổ chức hỗ trợ về SHTT để nhận được sự tư vấn, tập huấn, nâng cao năng lực về SHTT, cụ thể: Đăng ký trở thành thành viên của Mạng lưới các trung tâm hỗ trợ chuyên gia công nghệ của Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO), với tư cách là Trung tâm hỗ trợ công nghệ và đổi mới sáng tạo ( TISC ) của mạng lưới này. Song, liên kết với các trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng mối liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp và thúc đẩy thương mại hóa TSTT: Theo PGS Mai, hạn chế đến từ việc các nhà khoa học thường lựa chọn công bố bài báo và tư duy cũ "bán cái có sẵn chưa bán cái doanh nghiệp cần", Bà Mai cho biết giải pháp được trường đưa ra là theo sát chiến lược phát triển sở hữu trí tuệ, phát triển nghiên cứu ứng dụng, đưa sản phẩm thương mại, kết nối doanh nghiệp, chuyên gia trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, xây dựng cơ chế thiết lập doanh nghiệp Spin-off, hỗ trợ khởi nghiệp [18]. Vì vậy, Nhà trường cần tăng đầu tư vào nghiên cứu khoa học, tăng sự liên kết, hợp tác với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế để phát hiện nhu cầu nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của họ. Kêu gọi họ đầu tư vào Quỹ phát triển sáng chế của nhà trường, cùng nhau nghiên cứu, xác lập quyền sở hữu và thương mại hóa sáng chế đó.

#### 4.3 Nâng cao nhận thức về SHTT và vinh danh Thầy/Cô có nhiều kết quả nghiên cứu tạo ra TSTT

Theo bà Altaye Tedla Desta, hiểu biết về sở hữu trí tuệ không chỉ đạt được sự bảo hộ, mà còn mang ý nghĩa về chiến lược. Nó là chiến lược để kiếm tiền, trao quyền, và đưa những kiến thức cụ thể, bao gồm cả tri thức truyền thống và cộng đồng, thâm nhập vào thị trường mà không

lo bị chiếm hữu [16]. Vì vậy, Nhà trường cần tổ chức các hội thảo/hội nghị/tập huấn về SHTT, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp để Thầy/Cô được chia sẻ những kiến thức, kỹ năng xác lập và bảo vệ quyền SHTT; Tập huấn kỹ năng sử dụng mạng thông tin quốc gia về sáng chế/GPHI, chuyên môn tra cứu đánh giá dữ liệu sáng chế thu thập được, sẽ giảm thiểu các dấu hiệu không được bảo hộ, không làm mất tính mới, thu thập được các đối chứng cần thiết để đánh giá được khả năng trùng lặp, tương tự nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp của người khác; đáp ứng được yêu cầu về trình độ sáng tạo, tính sáng tạo, nhờ đó làm tăng chất lượng nội dung đơn SHCN [17].

Nhà trường cần có chính sách vinh danh thỏa đáng Thầy/Cô là tác giả, chủ sở hữu sáng chế: Ví dụ: Ngoài thưởng theo quy chế khen thưởng của nhà trường nên xem xét nâng bậc lương hoặc đề bạt giữ các vị trí nghiên cứu xứng đáng với sự cống hiến của các Thầy/Cô có nhiều sáng chế..., đặt biệt là việc phân chia lợi ích từ việc khai thác sáng chế/GPHI. Nhà trường có thể tham khảo cách phân phối lợi ích của Trường Đại học Quốc gia TP.HCM hoặc dựa trên mong muốn của Thầy/Cô mà quy định tỷ lệ phân chia lợi ích cho tác giả sáng chế/GPHI trên nguyên tắc lợi ích hài hòa giữa nhà trường, tác giả sáng chế và bên thứ ba.

#### 5. KẾT LUẬN

Bộ chỉ số về SHTT đánh giá hiệu quả hoạt động của viện nghiên cứu, trường đại học được đề xuất bao gồm: Số lượng đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp, số lượng BĐQSC, BĐQGPHI, số lượng đơn PCT và chỉ số hợp tác SCT [19] và với sự mạng là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng, chuyên giao công nghệ và phục vụ cộng đồng đáp ứng nhu cầu xã hội. Vì vậy, Trường ĐHLH cần xác định việc nâng cao số lượng đơn đăng ký sáng chế, GPHI là nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện các mục tiêu của Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 (Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 04/05/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2030). Qua kết quả phân tích thực trạng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích tại Trường ĐHLH đã chỉ ra các nguyên nhân hạn chế số lượng đơn đăng ký sáng chế/GPHI và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI tại Trường ĐHLH.

#### 6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoang Thi Hai Yen. (2012). Enhancement of effectiveness of invention activities of Vietnam public universities through recovering barriers of these activities. *Journal of Science, Technology and Innovation Policy and Management (JSTPM)*, 1(4).
- [2] Trần Văn Hải. (2024). Tính mới của các sáng chế do cơ sở giáo dục đại học Việt Nam là chủ sở hữu. *VNU Journal of Science: Policy and Management Studies*, 40(3), 13–23.
- [3] World Intellectual Property Organization (WIPO). *Patents*. Truy cập ngày April 4, 2025, from <https://www.wipo.int/en/web/patents>
- [4] Cục Sở hữu trí tuệ. (2023). *Báo cáo thường niên hoạt động sở hữu trí tuệ năm 2023*. Truy cập ngày 04/4/2025, <https://www.ipvietnam.gov.vn/web/guest/bao-cao-hang->

- nam/-/asset\_publisher/vTLYJq8Ak7Gm/content/so-lieu-thong-ke-phuc-vu-bao-cao-thuong-nien-hoat-ong-so-huu-tri-tue-nam-2023
- [5] Hồng Hạnh. (2023). Cả hệ thống giáo dục đại học Việt Nam mới có khoảng 200 bằng độc quyền sáng chế. *Báo Đại biểu Nhân dân*.
- [6] Lê Nam. (2024). Vì sao giảng viên ngại đăng ký bằng sáng chế? *Báo Giáo dục và Thời đại Online*. Truy cập ngày 04/4/2025
- [7] Công Triệu. (2023). Văn hóa sở hữu trí tuệ tại các trường ra sao? *Tuổi Trẻ Online*. Truy cập ngày 04/4/2025, <https://tuoitre.vn/van-hoa-so-huu-tri-tue-tai-cac-truong-ra-sao-20230708130349472.htm>
- [8] Cẩm Tiên. (2025). Giải pháp gia tăng hoạt động đăng ký sáng chế tại các viện nghiên cứu, trường đại học. Truy cập ngày 04/4/2025, <https://skhcn.hue.gov.vn/hoat-dong-kh-cn-trong-nuoc/giai-phap-gia-tang-hoat-dong-dang-ky-sang-che-tai-cac-vien-nghien-cuu-truong-dai-hoc.html>
- [9] Diêu Oanh. (2023). Trường Đại học Lạc Hồng: Chung tay xây dựng hệ sinh thái Việt. *Diễn đàn Doanh nghiệp*. Truy cập ngày 06/4/2025, <https://diendandoanhngiep.vn/truong-dai-hoc-lac-hong-chung-tay-xay-dung-he-sinh-thai-khoi-nghiep-viet-10038245.html>
- [10] Trung tâm Sở hữu trí tuệ và Chuyển giao Công nghệ. (2020). *Bảng báo giá*. Truy cập ngày 06/4/2025 <https://iptc.vn/wp-content/uploads/2020/07/Bang-gia-SC-2020.pdf>
- [11] Hữu Thống. ĐHQG-HCM dẫn đầu về đăng ký sáng chế. Truy cập ngày 02/5/2025, [https://vnuhcm.edu.vn/tin-tuc\\_32343364/dhqg-hcm-dan-dau-ve-dang-ky-sang-che/323239333364.html](https://vnuhcm.edu.vn/tin-tuc_32343364/dhqg-hcm-dan-dau-ve-dang-ky-sang-che/323239333364.html)
- [12] Thu Thủy. (2020). Quản trị tài sản trí tuệ trong trường đại học. *Đài Truyền hình TP.HCM*. 06/4/2025,
- [13] Nguyễn Liên & Mạnh Hưng. (2025). Sở hữu trí tuệ là “chìa khóa” cho sự phát triển bứt phá nhờ khoa học công nghệ. *Đại biểu nhân dân*. Truy cập ngày 02/5/2025, <https://daibieunhandan.vn/so-huu-tri-tue-la-chia-khoa-cho-su-phat-trien-but-pha-nho-khoa-hoc-cong-nghe-post411415.html>
- [14] Phòng Khoa học công nghệ. (2021). Hoạt động sở hữu trí tuệ tại Trường ĐH Nguyễn Tất Thành. Truy cập ngày 02/5/2025, <https://ntt.edu.vn/hoat-dong-so-huu-tri-tue-tai-truong-dh-nguyen-tat-thanh/>
- [15] Bùi Tiến Quyết & Nguyễn Hữu Cần. (2021). Thông tin sở hữu công nghiệp và mô hình quản trị tài sản trí tuệ. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam*, (4), 7–9.
- [16] Thanh Hà. (2025). Tiếp cận sở hữu trí tuệ sớm người trẻ có cơ hội biến ý tưởng thành tiền. *VnExpress*. Truy cập ngày 06/4/2025, <https://vnexpress.net/tiep-can-so-huu-tri-tue-som-nguoi-tre-co-co-hoi-bien-y-tuong-thanh-tien-4865832.html>
- [17] Không Quốc Minh. (2018). Một số tồn tại và giải pháp khắc phục trong xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam. *JSTPM*, 7(2).
- [18] Như Quỳnh. (2021). Sáng chế tại trường đại học có tiềm năng ứng dụng cao. *VnExpress*. Truy cập ngày 06/4/2025, <https://vnexpress.net/sang-che-tai-truong-dai-hoc-co-tiem-nang-ung-dung-cao-4397992.html>
- [19] Nguyễn Thị Minh Hằng & Nguyễn Hữu Cần. (2023). Đánh giá hiệu quả hoạt động của các viện nghiên cứu, trường đại học bằng các chỉ số về sở hữu trí tuệ. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, (8).